

Bản án số: **81** /2023/DS-ST
Ngày: 16 - 1 - 2023
V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH E**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tường Bích.;

Bà Đào Thị Tuyết Mai;

- Thư ký phiên Tòa: Bà Đinh Quốc Hiếu – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh E tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Lanh - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163 /2022TLST- DS ngày 22 tháng 06 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 09 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim P, sinh năm 1974 (Xin Vắng)

Địa chỉ: số 311A, Khu phố 3, phường P, tp E, tỉnh E

Bà Phạm Thị Kim P ủy quyền cho: Bà Đinh Thị Bé M, sinh năm 1972 ngụ tại 65B7, tổ 6, khu phố 4, phường phú Khương, Thành phố E, tỉnh E và ông Lê Minh Trí, sinh năm 1995 ngụ tại 105D, ấp Bình Thành, xã Bình Phú, Thành phố E, tỉnh E cùng tham gia tố tụng.

2. Bị đơn: - Bà Trần Thị H1, sinh năm 1982(Xin Vắng)

- Ông Trần Công Đ, sinh năm 1977(Xin Vắng)

Cùng địa chỉ: ấp V, xã Q, huyện B, tỉnh E

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 30/03/2022, bản tự khai ngày 04/7/2022, và những lời khai tiếp theo đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Đinh Thị Bé Mười, ông Lê Minh Trí trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết, nên bà P có cho ông Trần Công Đ và bà Trần Thị H1 vay số tiền lần lượt như sau:

Ngày 20/4/2014 bà cho ông Đ, bà H1 vay số tiền là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Ngày 10/6/2015 bà cho ông Đ, bà H1 số tiền là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Ngày 02/3/2016 bà cho ông Đ, bà H1 vay số tiền là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng). Ngày 07/10/2017 bà cho ông Đ, bà H1 vay số tiền là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng). Ngày 12/12/2018 bà cho ông Đ, bà H1 số tiền là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Tất cả các khoản vay trên đều tính mức lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng. Khi vay tiền, ông Trần Công Đ có ghi giấy thỏa thuận mượn tiền và ký tên xác nhận nợ, nói sử dụng vào mục đích sinh hoạt gia đình. Tổng số tiền mà ông Đ, bà H1 đã vay của bà P là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng). Đến hạn thanh toán P có nhiều lần đến nhà cũng như gọi điện thoại yêu cầu ông Đ, là bà H1 trả tiền cho P nhưng vợ chồng ông Đ, bà H1 cứ hứa trả mà vẫn không trả.

Nay bà P yêu cầu buộc ông Trần Công Đ và bà Trần Thị H1 có nghĩa vụ liên đới phải trả cho bà P số tiền vốn là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng). P không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền trên.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/7/2022, ngày 07/09/2022, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 06/7/2022 và những lời khai tiếp theo bị đơn bà Ông Trần Công Đ, bà Trần Thị H1 trình bày như sau:*

Ông, bà thừa nhận có vay của bà Phạm Thị Kim P số tiền tổng cộng là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng), vay nhiều lần và có làm giấy tay do ông Đ ký tên và viết ra. Cụ thể vào các ngày 20/4/2014 ông, bà vay bà P số tiền là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), ngày 10/6/2015 ông, bà vay bà P số tiền là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng), ngày 02/3/2016 ông, bà có vay bà P số tiền là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng), ngày 07/10/2017 ông, bà có vay bà P số tiền là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), ngày 12/12/2018 ông, bà vay bà P số tiền là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Khi vay thỏa thuận thời hạn trả là 06 tháng và lãi suất thỏa là 1%/tháng. Sau khi vay do kinh tế khó khăn nên ông, bà không đóng lãi suất và còn nợ bà P 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) cho đến nay chưa trả. Ông, bà xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng, mục đích vay là chăn nuôi trang trải cuộc sống chung gia đình. Nay qua yêu cầu của bà P ông, bà đồng ý liên đới trả cho bà P số tiền là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) và khi bán đất sẽ trả.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Đối với Thẩm phán tuân thủ đúng Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thu thập chứng cứ thì Thẩm phán có tiến hành thu thập theo quy định. Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm thời hạn tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự theo quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và

nghĩa vụ theo Điều 70,71,72 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với vi phạm của Thẩm phán về thời hạn tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án nên đề nghị khắc phục trong thời gian tới.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463,466 Bộ luật dân sự 2005; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị Kim P đối với ông Trần Công Đ, bà Trần Thị H1. Nên buộc bà Ông Trần Công Đ, bà Trần Thị H1 phải liên đới trả số tiền nợ vay cho bà Phạm Thị Kim P là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng). Ghi Nhận bà phạm Thị Kim P không yêu cầu bồi đắp lãi suất của số tiền nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Đ thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Bà Phạm Thị Kim P khởi kiện yêu cầu bà ông Trần Công Đ, bà Trần Thị H1 phải liên đới trả cho bà số tiền nợ vay là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng). Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này Đ xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Theo Giấy xác nhận của Công an xã Vang Quới Tây thì bà Ông Trần Công Đ, bà Trần Thị H1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Vang Quới Tây, huyện B, tỉnh E. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E.

[3] Đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim P và bị đơn bà ông Trần Công Đ, bà Trần Thị H1 có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bà Phạm Thị Kim P, bị đơn bà ông Trần Công Đ, bà Trần Thị H1 là phù hợp quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim P yêu cầu ông Trần Công Đ, bà Trần Thị H1 phải liên đới trả số tiền nợ vay là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng). Hội đồng xét xử xét thấy, ông Đ, bà H1 thừa nhận có vay của bà P và còn nợ số tiền là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng), ông Đ, bà H1 đồng ý liên đới trả nợ cho bà P số tiền trên. Nhận thấy lời thừa nhận này là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó có cơ sở xác định giữa bà P và ông Đ, bà H1 có quan hệ giao dịch về vay tiền. Bà P là bên cho vay và ông Đ, bà H1 là bên vay. Trong quá trình vay, bà P đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên cho vay, nhưng ông Đ, bà H1 không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên vay là vi phạm quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của bà P đối ông Đ, bà H1 là phù hợp với quy định tại Điều 463,

466 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên Đ Hội đồng xét xử chấp nhận. Nên buộc bà Ông Trần Công Đ, bà Trần Thị H1 phải liên đới trả số tiền nợ vay cho bà Phạm Thị Kim P là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng).

[5] Bà P không yêu cầu trả lãi suất đối số tiền nêu trên nên ghi nhận,

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu của nguyên đơn Đ chấp nhận nên căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Ông Trần Công Đ, bà Trần Thị H1 phải liên đới chịu án phí là 72.000.000 đồng + (1.000.000.000 đồng x 2%) = 92.000.000 đồng (Chín mươi hai triệu đồng).

Hoàn trả cho bà Phạm Thị Kim P số tiền tạm ứng án phí đã nộp 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008708 ngày 22/06/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 92, 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. *Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim P đối với ông Trần Công Đ, bà Trần Thị H1 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

2. Buộc ông Trần Công Đ, bà Trần Thị H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Phạm Thị Kim P số tiền vay là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng).

Ghi nhận bà P không yêu cầu trả lãi suất đối số tiền nêu trên nên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ngày bà Phạm Thị Kim P có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà ông Trần Công Đ, bà Trần Thị H1 chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Trần Công Đ, bà Trần Thị H1 phải liên đới chịu án phí là 92.000.000 đồng (Chín mươi hai triệu đồng).

Hoàn trả cho bà Phạm Thị Kim P số tiền tạm ứng án phí đã nộp 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008708 ngày 22/06/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

Trường hợp bản án Đ thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người Đ thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án Đ thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn bà Phạm Thị Kim P, bị đơn bà ông Trần Công Đ, bà Trần Thị H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày nhận Đ bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh E (phòng KTNV - THA);
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đã ký

Lê Thị Thu Hương